

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ THỌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Tuyết Nhung

2. Bà Lưu Thị Thúy Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Xuân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ:** Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức H - sinh năm 1990.

*Địa chỉ:* Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

*Bị đơn:* Chị Phạm Việt H - sinh năm 1992.

*Địa chỉ:* Khu 7 (khu 17 cũ), xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:*

Anh và chị Phạm Việt H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 24/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống dẫn đến mất lòng tin và không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P - sinh ngày 17/12/2012, hiện nay con chung đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, anh để chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Phạm Việt H nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị H đều vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Như vậy, chị H cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai của chị H và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức H.

Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Phạm Việt H.

-Về con chung: Giao cho chị Phạm Việt H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 17/12/2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Việt H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị H cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, chị H không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 14/9/2020, bị đơn chị Phạm Việt H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị Phạm Việt H.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Việt H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân với nhau không ai quan tâm đến ai. Qua biên bản xác minh của gia đình và chính quyền địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân khó có thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh Hoàng khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P- sinh ngày 17/12/2012 hiện nay đang ở với chị H. Quan điểm của anh H sau khi ly hôn để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do hiện nay cháu P còn nhỏ, đang ở trực tiếp với chị H nên để tránh việc xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của con chung nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động theo nguyện vọng của cháu P. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh H trình bày không có nên không đề nghị giải quyết. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt, không có quan

điểm nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn với chị Phạm Việt H.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Phạm Việt H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng P - sinh ngày 17/12/2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Phạm Việt H.

Anh Nguyễn Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai không được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002524 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Anh Nguyễn Đức H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H có mặt có quyền kháng cáo; Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã,
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng.

**Hà Thu Hiền**